

请选出画线词语的汉语拼音。

Please select the Chinese Pinyin of the underlined words.

Q1. 文亮报名参加了学校的科学发明大赛。

- ① kē xué
- ② gē xué
- ③ kē xié
- ④ hé xié

Q2. 小美希望自己将来可以当一名老师。

- ① jiāng lái
- ② jiāng rān
- ③ jiāng lán
- ④ qiāng lái

Q3. 哥哥希望成为军人，保卫祖国。

- ① sī wàn
- ② xī wàng
- ③ zī wǎng
- ④ xīn wàng

Q4. 我在书房和爷爷一起练字。

- ① liàn zì
- ② lián zhì
- ③ niàn zhì
- ④ liàng zì

Q5. 如果你不努力，学业就不会有进步。

- ① nǚ rì
- ② nǚ lì
- ③ lǚ nì
- ④ lǚ rì